

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HQ BÀ TRIỆU
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ HQ BÀ TRIỆU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HQ BA TRIEU SERVICE AND TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HQ BA TRIEU CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0107447231

3. Ngày thành lập: 25/05/2016

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 193C, phố Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 043.9760206

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
2.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
3.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
4.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
5.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
6.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
7.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
8.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
9.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
10.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
11.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
12.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
13.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
14.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2212
15.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
16.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
17.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
18.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
19.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592

20.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
21.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
22.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
23.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
24.	In ấn	1811
25.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
26.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
27.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
28.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
29.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
30.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
31.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
32.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
33.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
34.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
35.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
36.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
37.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
38.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
39.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
40.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
41.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
42.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
43.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
44.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
45.	Xây dựng nhà các loại	4100
46.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
47.	Xây dựng công trình công ích	4220

48.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: + Các nhà máy lọc dầu, + Các xưởng hoá chất, - Xây dựng công trình cửa như: + Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống... + Đập và đê. - Xây dựng đường hầm; - Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời.	4290
49.	Phá dỡ	4311
50.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
51.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
52.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
53.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
54.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
55.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
56.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
57.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
58.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
59.	Bán mô tô, xe máy	4541
60.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
61.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
62.	Bán buôn gạo	4631
63.	Bán buôn thực phẩm	4632
64.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
65.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
66.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
67.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
68.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
69.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
70.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
71.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
72.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230

73.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
74.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
75.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
76.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
77.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
78.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13)	6810
79.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Môi giới bất động sản Dịch vụ tư vấn bất động sản Dịch vụ quản lý bất động sản (Điều 62, Điều 74, Điều 75, Luật kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13)	6820(Chính)
80.	Quảng cáo	7310
81.	Cho thuê xe có động cơ	7710
82.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
83.	Đại lý du lịch	7911
84.	Điều hành tua du lịch	7912
85.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
86.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	TRẦN LÊ HOÀNG	Số 193C, phố Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	500.000.000	2,500	001081012004	

2	CAO THỊ QUỲ	Số 193C, phố Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	19.500.000.000	97,500	010524222	
---	-------------	--	----------------	--------	-----------	--

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN LÊ HOÀNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *11/11/1981*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *001081012004*

Ngày cấp: *02/03/2016*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 193C, phố Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 193C, phố Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội